

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 – 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 – 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn
Ông Nguyễn Thanh Bình
Ông Trần Công Văn

Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/08/2016)
Phó Giám đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

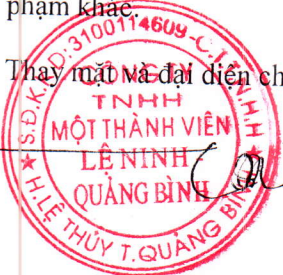
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Số. 020/2017/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình*

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

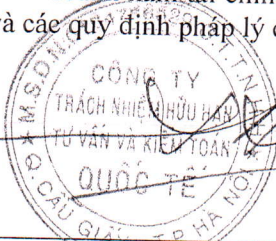
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.
- Trong kỳ, Công ty có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ giữa các xí nghiệp với nhau và giữa các xí nghiệp với văn phòng Công ty, các hàng hóa đó bao gồm sản phẩm thức ăn chăn nuôi và phân bón. Tại ngày 31/12/2016, Công ty không theo dõi riêng được giá trị vật tư, hàng hóa mua bán nội bộ giữa các đơn vị còn tồn kho hay đã xuất bán cho khách hàng đồng thời tiến hành bù trừ toàn bộ doanh thu – giá vốn tương ứng với giá trị số hàng hóa giao dịch mua bán nội bộ. Do bản chất của việc theo dõi giao dịch nội bộ, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định giá trị hàng hóa mua bán nội bộ đã thực tế xuất bán cho khách hàng hay còn đang tồn kho, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính phù hợp và đầy đủ của bút toán bù trừ doanh thu – giá vốn nêu trên đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiên Dũng
Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2554-2013-202-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Nguyễn Văn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3410-2015-202-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Mẫu B 01-DN

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.208.691.742	20.716.393.607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.513.260.956	6.128.627.817
1. Tiền	111	V.1	579.904.444	443.830.666
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.933.356.512	5.684.797.151
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.007.631.233	1.916.820.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	2.080.777.106	1.102.169.186
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	9.050.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	926.854.127	789.816.233
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	15.785.052
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	6.650.215.368	12.580.884.347
1. Hàng tồn kho	141		6.650.215.368	12.580.884.347
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.584.185	90.060.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10b	37.584.185	90.060.972
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.803.435.091	135.489.378.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		284.803.853	344.955.783
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		284.803.853	344.955.783
II. Tài sản cố định	220		65.949.341.926	66.101.041.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	65.393.547.139	65.524.661.574
- Nguyên giá	222		150.099.948.194	147.611.884.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.706.401.055)	(82.087.223.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	555.794.787	576.379.779
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(427.686.984)	(407.101.992)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	83.156.245.697	67.856.693.676
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		83.156.245.697	67.856.693.676
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.413.043.615	1.186.687.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.413.043.615	1.186.687.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.012.126.833	156.205.772.098

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

MẪU B 01-DN

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		77.314.023.618	66.740.936.107
I. Nợ ngắn hạn	310		20.447.949.818	37.262.744.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	2.534.452.377	3.784.477.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		211.871.378	49.978.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	148.171.056	703.082
4. Phải trả người lao động	314		3.101.784.861	2.461.056.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	66.215.489	293.232.675
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	1.049.599.486	1.126.496.979
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	8.878.834.293	23.654.988.422
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.457.020.878	5.891.811.378
II. Nợ dài hạn	330		56.866.073.800	29.478.191.620
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	61.820.000	482.025.520
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	56.804.253.800	28.996.166.100
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.698.103.215	89.464.835.991
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	89.508.008.047	89.274.740.823
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.894.608.460	83.894.608.460
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		3.743.951.311	3.743.951.311
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.617.842.682	8.617.842.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.748.394.406)	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(6.981.661.630)	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		233.267.224	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		190.095.168	190.095.168
1. Nguồn kinh phí	431		62.538.172	62.538.172
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		127.556.996	127.556.996
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.012.126.833	156.205.772.098



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

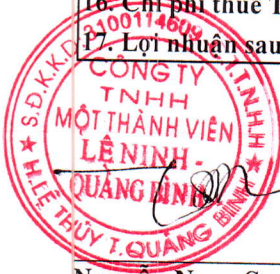
Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	46.122.680.660	42.037.193.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6.588.400	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.116.092.260	42.037.193.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.468.678.571	42.041.316.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.647.413.689	(4.122.778)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	271.159.362	281.902.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.148.252.653	1.201.909.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.148.252.653	1.201.909.175
8. Chi phí bán hàng	25		470.738.836	404.168.045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.515.196.833	2.989.112.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(215.615.271)	(4.317.409.668)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.112.011.648	1.491.861.028
12. Chi phí khác	32	VI.6	663.129.153	4.156.112.990
13. Lợi nhuận khác	40		448.882.495	(2.664.251.962)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		233.267.224	(6.981.661.630)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		233.267.224	(6.981.661.630)



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		40.973.015.493	37.845.065.274
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(23.764.932.251)	(11.949.938.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(20.901.559.383)	(23.243.411.812)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(1.148.252.653)	(1.537.084.115)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		12.577.181.355	2.228.024.692
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(16.407.804.604)	(18.365.400.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.672.352.043)	(15.022.744.387)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.057.700.320)	(3.076.946.700)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(365.965.486)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		177.558.055	1.245.047.181
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		271.159.362	9.966.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.974.948.389)	(1.821.932.729)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(742.740.071)
3. Tiền thu từ đi vay	33		52.570.425.815	52.014.020.050
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(39.538.492.244)	(33.914.618.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.031.933.571	17.356.661.715
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		384.633.139	511.984.599
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.128.627.817	5.616.643.218
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.513.260.956	6.128.627.817



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc
Quảng Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên số 3100114609 ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Từ ngày 01/04/2016 sáp nhập vào xí nghiệp chăn nuôi lợn);
- Nhà máy chế biến phân bón;
- Xí nghiệp chăn nuôi lợn.

Vốn điều lệ: 101.965.000.000 đồng (Một trăm linh một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bảo quản gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc, thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc

Năm 2016

5 -- 25 năm

5 -- 10 năm

6 -- 10 năm

3 -- 10 năm

4 -- 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản các khoản sửa chữa thường xuyên và giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện nhỏ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Việc xác định các khoản thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	30.654.342	347.968.717
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	549.250.102	95.861.949
Cộng	579.904.444	443.830.666

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	1.382.215.637	377.760.058
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	92.773.440
- Các khoản phải thu khách hàng khác	292.038.029	317.885.688
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	2.080.777.106	1.102.169.186

3. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	926.854.127	-	789.816.233	-
Ký cược, ký quỹ	414.466.549	-	173.121.400	-
Phải thu khác	6.060.010	-	9.500.000	-
	506.327.568	-	607.194.833	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	926.854.127	-	789.816.233	-

4. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.516.569.073	-	1.144.572.451	-
Công cụ, dụng cụ	264.162.417	-	225.722.314	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.642.696.775	-	4.556.257.798	-
Thành phẩm	1.226.787.103	-	6.654.331.784	-
Cộng	6.650.215.368	-	12.580.884.347	-

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2016	68.452.325.948	19.104.179.627	3.764.674.508	607.119.545	55.547.634.366	135.950.800	147.611.884.794
- Mua trong năm	-	32.727.273	-	-	-	-	32.727.273
- Đầu tư XD CBHT	-	-	-	-	6.651.212.559	-	6.651.212.559
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(44.551.428)	(4.151.325.004)	-	(4.195.876.432)
Tại ngày 31/12/2016	68.452.325.948	19.136.906.900	3.764.674.508	562.568.117	58.047.521.921	135.950.800	150.099.948.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2016	30.415.479.742	11.030.845.045	1.796.995.588	355.067.455	38.393.669.830	95.165.560	82.087.223.220
- Khấu hao trong năm	3.371.894.763	1.197.438.162	377.956.057	87.582.052	1.357.340.421	27.190.164	6.419.401.619
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(43.066.392)	(3.757.157.392)	-	(3.800.223.784)
Tại ngày 31/12/2016	33.787.374.505	12.228.283.207	2.174.951.645	399.583.115	35.993.852.859	122.355.724	84.706.401.055
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2016	38.036.846.206	8.073.334.582	1.967.678.920	252.052.090	17.153.964.536	40.785.240	65.524.661.574
Tại ngày 31/12/2016	34.664.951.443	6.908.623.693	1.589.722.863	162.985.002	22.053.669.062	13.595.076	65.393.547.139

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 11.652.097.670 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 09-DN**6. Tài sản cố định vô hình****Khoản mục**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Tại ngày 31/12/2016	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	113.217.457	167.520.900	126.363.635	407.101.992
- Khấu hao trong năm	20.584.992	-	-	20.584.992
Tại ngày 31/12/2016	133.802.449	167.520.900	126.363.635	427.686.984
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	576.379.779	-	-	576.379.779
Tại ngày 31/12/2016	555.794.787	-	-	555.794.787

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng đến 31/12/2016 là 293.884.535 đồng.

7. Tài sản dở dang dài hạn

Toàn bộ giá trị tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2016 là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Toàn bộ chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2016 là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

9. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.534.452.377	2.534.452.377	3.784.477.135	3.784.477.135
Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	-	-	726.695.000	726.695.000
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	244.491.890	244.491.890	1.145.929.062	1.145.929.062
Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiểu Điền	561.132.000	561.132.000	298.376.000	298.376.000
Các khoản phải trả khác	1.728.828.487	1.728.828.487	1.613.477.073	1.613.477.073
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.534.452.377	2.534.452.377	3.784.477.135	3.784.477.135

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Phải nộp trong năm	Đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a. Phải nộp	703.082	1.581.921.789	1.434.453.815	148.171.056
Thuế GTGT	-	1.351.893.266	1.204.543.304	147.349.962
Thuế Thu nhập cá nhân	703.082	2.840.959	3.097.947	446.094
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	204.961.014	204.961.014	-
Thuế tài nguyên	-	16.226.550	15.851.550	375.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
b. Phải thu	90.060.972	52.476.787	-	37.584.185
Thuế GTGT	52.476.787	52.476.787	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.584.185	-	-	37.584.185

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	66.215.489	293.232.675
Chi phí lãi vay ngân hàng	-	164.644.873
Chi phí phải trả khác	66.215.489	128.587.802
b. Dài hạn	-	-
Cộng	66.215.489	293.232.675

12. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	1.049.599.486	1.126.496.979
Kinh phí công đoàn	435.286.590	440.841.120
Các khoản phải trả khác	614.312.896	685.655.859
b. Dài hạn	61.820.000	482.025.520
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46.100.000	51.100.000
Các khoản phải trả khác	15.720.000	430.925.520
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016			Trong năm		01/01/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i)	8.878.834.293	8.878.834.293	23.982.752.315	38.758.906.444	23.654.988.422	23.654.988.422
	8.878.834.293	8.878.834.293	23.982.752.315	38.758.906.444	23.654.988.422	23.654.988.422
b. Vay dài hạn						
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	56.804.253.800	56.804.253.800	13.587.673.500	54.695.800	28.996.166.100	28.996.166.100
	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	724.890.000	724.890.000	724.890.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	39.500.000.000	39.500.000.000	13.500.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000
- Vay cá nhân (iv)	1.844.666.800	1.844.666.800	87.673.500	54.695.800	1.811.689.100	1.811.689.100
Cộng	65.683.088.093	65.683.088.093	52.570.425.815	39.538.492.244	52.651.154.522	52.651.154.522

(i) Đây là các khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 369/2014/HĐTD ngày 19/02/2016. Hợp đồng 19/2016/HĐTD kế thừa số dư của hợp đồng cấp hạn mức số 369/2014/HĐTD ngày 19/08/2014 và phụ lục sửa đổi bổ sung số 369/2015/HĐBS ngày 20/08/2015, chi tiết hợp đồng:

- Tổng mức cấp tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- Dư nợ cho vay, số dư bảo lãnh theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 369/2014/HĐTD ngày 19/08/2014 chuyển qua;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 19/02/2016 đến ngày 19/02/2017;
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, dịch vụ và chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh;
- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng là 7%/năm; Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

(ii) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22/12/2011. Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Hợp đồng cấp tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình theo đó:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Số tiền cho vay tối đa: 32.333.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng chẵn);
- Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày 01/09/2016 đến hết ngày 01/09/2026;
- Trả nợ gốc : 6 tháng/ lần;
- Lãi suất cho vay: Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng này là 8,7%/ năm. Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

(iii)

- Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo khế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22/08/2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602,79 triệu đồng;
 - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28/04/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.
 - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo khế ước nhận nợ từng lần;
 - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.

(iv)

Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

14. Vốn chủ sở hữu

Khoản mục

	Vốn góp của		Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Chủ sở hữu					
Tại ngày 01/01/2016	83.894.608.460		3.743.951.311	8.617.842.682	(6.981.661.630)	89.274.740.823
Lãi trong năm nay	-		-	-	233.267.224	233.267.224
Tại ngày 31/12/2016	83.894.608.460		3.743.951.311	8.617.842.682	(6.748.394.406)	89.508.008.047

Vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2016 được xác định theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình tại thời điểm 31/12/2015 và Quyết định số 583/QĐ – UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,

Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
a. Doanh thu	46.122.680.660	42.037.193.909
- Doanh thu bán thành phẩm	45.862.039.146	41.831.590.775
- Doanh thu hoạt động khác	260.641.514	205.603.134
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn thành phẩm đã bán	41.318.284.439	41.603.421.568
Giá vốn hoạt động khác	150.394.132	437.895.119
Cộng	41.468.678.571	42.041.316.687

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	271.159.362	281.902.498
Cộng	271.159.362	281.902.498

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	1.148.252.653	1.201.909.175
Cộng	1.148.252.653	1.201.909.175

5. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	230.727.701	552.503.366
- Thu thanh lý tài sản cố định	638.084.499	829.830.190
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	(407.356.798)	(277.326.824)
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	-	6.023.000
Các khoản thu nhập khác	881.283.947	933.334.662
Cộng	1.112.011.648	1.491.861.028

6. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị thiệt hại của vườn cây cao su (v)	-	3.332.629.102
Các khoản chi phí khác	663.129.153	823.483.888
Cộng	663.129.153	4.156.112.990

(v) Đây là Giá trị của vườn cây cao su thiệt hại do bão số 10 năm 2013 gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình sau khi xem xét đã có văn bản số 2906/STC-TCĐN ngày 29/10/2014 cho phép xử lý dần thiệt hại vào kết quả vào kết quả các năm sau. Đơn vị xử lý làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.319.371.415	13.756.984.018
Chi phí nhân công	17.124.724.100	19.592.696.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.439.986.611	5.721.111.110
Chi phí bằng tiền khác	1.644.753.758	3.706.170.711
Cộng	42.528.835.884	42.776.962.801

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế và được điều chỉnh theo kết quả xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2015 và Quyết định số 583/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình. Chi tiết số liệu như sau:

Bảng cân đối kế toán:

CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo kiểm toán 2015	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	24.049.022.709	20.716.393.607
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.249.449.573	1.916.820.471
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	3.348.414.154	15.785.052
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	131.745.427.180	135.489.378.491
II. Tài sản cố định	220	55.716.393.403	66.101.041.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	55.140.013.624	65.524.661.574
- Nguyên giá	222	141.030.747.464	147.611.884.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(85.890.733.840)	(82.087.223.220)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	74.497.390.315	67.856.693.676
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	74.497.390.315	67.856.693.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	155.794.449.889	156.205.772.098

CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo kiểm toán 2015	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	66.740.936.107	66.740.936.107
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	89.053.513.782	89.464.835.991
I. Vốn chủ sở hữu	410	88.863.418.614	89.274.740.823
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	83.894.608.461	83.894.608.460
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	3.743.951.311
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.617.842.681	8.617.842.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	155.794.449.889	156.205.772.098

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh,

Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo kiểm toán 2015	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	42.037.193.909	42.037.193.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	42.037.193.909	42.037.193.909
4. Giá vốn hàng bán	11	42.041.316.687	42.041.316.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(4.122.778)	(4.122.778)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	281.902.498	281.902.498
7. Chi phí tài chính	22	1.201.909.175	1.201.909.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.201.909.175	1.201.909.175
8. Chi phí bán hàng	25	404.168.045	404.168.045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.989.112.168	2.989.112.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4.317.409.668)	(4.317.409.668)
11. Thu nhập khác	31	1.491.861.028	1.491.861.028
12. Chi phí khác	32	823.483.888	4.156.112.990
13. Lợi nhuận khác	40	668.377.140	(2.664.251.962)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

3. Thông tin khác

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3788/QĐ-UBND về việc thực hiện cổ phần hóa công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước theo đó Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ đối với Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là hết ngày 31/12/2015.



Nguyễn Ngọc Sơn

Giám đốc

Quảng Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên

Người lập
